

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 10-02-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Mốt

Ông Lã Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Quan Hữu Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-QĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/HSST-QĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị L, tên thường gọi khác: H, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1983 tại huyện T, thành phố Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Thôn 7, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nguyên không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn U và bà Trần Thị L (đã chết); có chồng ở Trung Quốc tên Mạc Văn K (không đăng ký kết hôn), có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05-10-2019, tạm giam từ ngày 08-10-2019 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm: 1996. Trú tại: Thôn 6, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Vũ Thị H, sinh năm: 1996. Trú tại: Thôn 8, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007 Lê Thị L sang Trung Quốc làm thuê, đến năm 2008 thì chung sống với một người đàn ông Trung Quốc như vợ chồng. Tháng 4-2014 Lê Đình L là em trai của Lê Thị L sang Trung Quốc chơi và được Lê Thị L đặt vấn đề về Việt Nam lừa đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán cho Lê Thị L làm gái bán dâm, tùy theo nhan sắc mà sẽ được trả từ 50 đến 60.000.000 đồng/01 người và Lê Đình L đồng ý.

Thông qua mạng xã hội Facebook mà Lê Đình L quen biết, có tình cảm với Lê Thị H và qua Lê Thị H mà quen biết với Vũ Thị H. Sau đó, Lê Đình L nảy sinh ý định lừa bán hai người này sang Trung Quốc để bán cho Lê Thị L. Để thực hiện thì Lê Đình L đã rủ bạn của mình là Lê Văn V cùng tham gia rồi hứa trả tiền công và được Lê Văn V đồng ý. Ngày 10-11-2014, Lê Đình L rủ Lê Thị H đi Lạng Sơn chơi và Lê Thị H rủ Vũ Thị H cùng đi. Sáng ngày 11-11-2014, bốn người cùng bắt xe khách lên thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây Lê Đình L đưa cả nhóm đi chợ và gọi điện thông báo cho Lê Thị L để cử người đón sang Trung Quốc. Sau đó, có 02 thanh niên đi mô tô đến đưa đi, khi đó Lê Thị H có hỏi thì Lê Đình L nói sang Trung Quốc chơi. Đến khu vực biên giới cả nhóm theo đường mòn sang Trung Quốc. Khi đến Trung Quốc, cả nhóm được một người đàn ông Trung Quốc có tên là A L điều khiển xe ô tô chở đến một quán hát thì gặp Lê Thị L. Sau đó, Lê Thị L đưa Lê Văn V, Lê Thị H, Vũ Thị H lên phòng hát còn Lê Đình L thì ngồi trong ô tô. Một lát sau, Lê Văn V đi vào trong xe ô tô và được A L chở đến quán của Lê Thị L. Đến quán cơm, A L bảo Lê Văn V xuống xe rồi chở Lê Đình L đi và đưa cho Lê Đình L 20.000CNY là tiền bán Lê Thị H, Vũ Thị H rồi cùng nhau đi ăn đêm. Sau đó, Lê Văn V được người khác đưa đến chỗ Lê Đình L cùng ăn đêm rồi cùng nhau về nhà A L ngủ. Còn Lê Thị H và Vũ Thị H được Lê Thị L đưa về quán của Lê Thị L ngủ. Ngày 12-11-2014, Lê Thị H và Vũ Thị H hỏi thì được Lê Thị L nói là đã bị Lê Đình L và Lê Văn V bán cho Lê Thị L. Sáng ngày 13-11-2014, A L đã đưa Lê Đình L đi đổi số tiền đã bán Lê Thị H, Vũ Thị H được 80.000.000 đồng. Sau đó, A L đưa Lê Đình L, Lê Văn V đến khu vực biên giới để về Việt Nam. Khi về đến địa phận Việt Nam, Lê Đình L chia cho Lê Văn V số tiền 3.500.000 đồng rồi cả hai đón xe khách về nhà.

Tại Trung Quốc do bị Lê Thị L đe dọa nên Lê Thị H và Vũ Thị H phải làm việc ở quán cơm và phải bán dâm khi khách có nhu cầu mua dâm. Đến tháng 02-2016, Lê Thị H quen biết với một người tên là D quê ở Bắc Ninh làm thuê ở Trung Quốc nên đã nhờ D giúp trốn về Việt Nam. Tháng 5-2016, trong lúc đi bán dâm cho khách thì Lê Thị H gọi cho Vũ Thị H để trốn về Việt Nam. Sau đó, D nhờ một người tên T đưa mọi người về Việt Nam. Về đến Việt Nam, Lê Thị H và Vũ Thị H viết đơn tố cáo Lê Đình L và Lê Văn V. Sau khi biết Lê Đình L, Lê Văn V bị bắt, bản thân bị truy nã nên Lê Thị L bỏ trốn đến 05-10-2019 thì bị Công an thị B, thành phố S, khu tự trị dân tộc C, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc phát hiện bắt giữ và chuyển cho cơ quan chức năng Việt Nam xử lý.

Hành vi của Lê Đình L, Lê Văn V đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2017/HSST ngày 15-9-2017, bị cáo Lê Đình L bị xử phạt 09 năm tù, bị cáo Lê Văn V bị xử phạt 05 năm tù.

Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS-P1 ngày 26-12-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lê Thị L về tội Mua bán người theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại Lê Thị H và Vũ Thị H tuy vắng mặt nhưng qua lời trình bày có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cuối năm 2014, các bị hại đã bị Lê Đình L, Lê Văn V lừa bán sang Trung Quốc cho Lê Thị L, bị Lê Thị L ép làm gái bán dâm cho người khác. Các bị hại đề nghị xử lý hành vi của các đề nghị xử lý hành vi của Lê Đình L, Lê Văn V và Lê Thị L theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội Mua bán người. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, điểm d, đ khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị L từ 08 đến 09 năm tù. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được mở lần thứ 2 các bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị hại theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của Lê Đình L, Lê Văn V; phù hợp với lời khai của các bị hại; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; do đó, có căn cứ xác định: Khoảng tháng 4-2014, Lê Thị L đặt vấn đề với Lê Đình L là em trai của mình là về Việt

Nam lừa đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán cho Lê Thị L để làm gái bán dâm và Lê Đình L đồng ý. Ngày 11-11-2014, Lê Đình L và Lê Văn V đã lừa đưa chị Lê Thị H và chị Vũ Thị H sang Trung Quốc bán cho Lê Thị L với giá 20.000CNY tương đương 80.000.000 đồng.

[4] Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2014 nên sẽ áp dụng các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Tội Mua bán người có khung hình phạt từ năm năm đến hai mươi năm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tội Mua bán người có khung hình phạt từ 08 năm đến 15 năm tù. Khi xét xử các vụ án hình sự thuộc các trường hợp: Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thì hành theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 Tòa án cần căn cứ vào quy định tại Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV để giải quyết vụ án.

[5] Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Lê Thị L phạm tội Mua bán người, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Đối với hành vi phạm tội của Lê Đình L, Lê Văn V đã bị xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2017/HSST ngày 15-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn (đã có hiệu lực pháp luật) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, xâm hại thân thể, quyền tự do của con người. Việc mua bán người để đưa ra nước ngoài đang có diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng rất lớn đến trật tự an toàn xã hội và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mọi hành vi mua bán người để nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

[8] Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do bị cáo và Lê Đình L, Lê Văn V cùng cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo và Lê Đình L, Lê Văn V cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[9] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thị L thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo là người khởi xướng, rủ Lê Đình L thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có vai trò tích cực khi thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có thể giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ (Biên bản xác minh ngày 08-11-2019) và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2017/HSST ngày 15-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết về vấn đề này. Hiện tại, chị Lê Thị H và chị Vũ Thị H không có mặt tại địa phương, không biết đang ở đâu. Gia đình của chị Lê Thị H, chị Vũ Thị H đã nhận được đủ số tiền bồi thường theo Bản án đã xét xử năm 2017 và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về trách nhiệm phân chia bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Lê Thị L và Lê Đình L, Lê Văn V sẽ được xem xét giải quyết thành một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu của Lê Đình L, Lê Văn V theo thủ tục tố tụng dân sự.

[13] Đối với người tên A L là người Trung Quốc sinh sống ở khu vực B, Trung Quốc do địa chỉ không rõ ràng nên Cơ quan điều tra không tiến hành xác minh được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với người tên D, T là người giúp các bị hại chạy trốn, do các bị hại không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để điều tra làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp mức hình phạt của các đồng phạm khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV, khoản 3 Điều 7, điểm d, đ khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị L, tên thường gọi khác: H phạm tội Mua bán người.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị L, tên thường gọi khác: H, 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 05-10-2019.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Thị L, tên thường gọi khác: H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa